

Số: 247/KH -MNHP

Đông Triều, ngày 02 tháng 05 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của trường Mầm non Hoa Phượng năm học 2023-2024

Thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Công văn số 3571/SGDDĐT-VP ngày 08/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT; Công văn số 873/SGDDĐT-VP ngày 21/3/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 1805/PGD&ĐT ngày 13/11/2023 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 693/PGD&ĐT ngày 02/05/2024 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều về việc hướng dẫn công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã Đông Triều,

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2023-2024 của trường mầm non Hoa Phượng;

Trường mầm non Hoa Phượng xây dựng kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về ý nghĩa, tác dụng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số ở nhà trường.

- Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong trường mầm non Hoa Phượng.

- Đảm bảo thực hiện kiểm tra, đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số trong trường mầm non Hoa Phượng. Trong quá trình tự đánh giá, thực hiện thu thập, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

II. NỘI DUNG:

1. Đối tượng áp dụng:

Việc đánh giá mức độ Chuyển đổi số được áp dụng đối tại trường mầm non Hoa Phượng- khu Vĩnh Thông - phường Mạo Khê- thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh.

2. Cấu trúc Bộ chỉ số:

Cấu trúc của Bộ chỉ số gồm 02 nhóm tiêu chí thành phần như sau:

- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy, học”.
- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường”.

Chi tiết Bộ chỉ số tại Phụ lục kèm theo.

3. Mức độ chuyển đổi số:

Mức độ chuyển đổi số tại nhà trường được đánh giá theo từng (02) nhóm tiêu chí thành phần: Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy, học” và Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục”, thang điểm tối đa là 100, mỗi nhóm tiêu chí được đánh giá ở ba mức độ:

- Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50. Ở mức này, nhà trường chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt từ 50 đến 75. Ở mức này, nhà trường đã đáp ứng yêu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt trên 75. Ở mức này, nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản và một số yêu cầu nâng cao về triển khai chuyển đổi số.

4. Quy định việc tự đánh giá; nộp hồ sơ, báo cáo:

a) Việc tự đánh giá, xếp loại:

- Nhà trường thành lập Hội đồng tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị.

- Thực hiện việc tự đánh giá theo quy định (có Biên bản lưu hàng năm).

- Lập hồ sơ, sắp xếp các minh chứng theo từng nhóm tiêu chí; lưu trữ, bảo quản tại nhà trường, phục vụ công tác kiểm tra, thẩm định của cấp trên khi được yêu cầu.

b) Việc nộp hồ sơ, báo cáo:

- Hồ sơ được đóng thành quyển, sắp xếp theo thứ tự như sau:

+ Bìa (mẫu M1);

+ Tờ trình (mẫu M2);

+ Biên bản tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số (mẫu M3);

+ Báo cáo công tác triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số (mẫu M4);

+ Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.

- Nộp hồ sơ về Phòng GDĐT theo cấp học trước ngày 31/05/2024.

III. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung của Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Nhà trường tiến hành thu thập, tập hợp, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

- Triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ, nội dung của Kế hoạch theo phụ lục đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

a) Ban giám hiệu ban hành kế hoạch, thực hiện tự đánh giá, chấm điểm mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí của Bộ chỉ số. Hiệu trưởng ban hành quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.

b) Báo cáo công tác triển khai tự đánh giá, kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số về phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều theo đúng thời gian quy định.

c) Cập nhật kết quả tự đánh giá lên website của nhà trường.

Cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành tại <https://truong.csdl.moet.gov.vn/> trước ngày 31/5/2024.

Trên đây là kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2023-2024 của trường mầm non Hoa Phượng.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Tâm

PHỤ LỤC I
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Kèm theo Kế hoạch số 249/KH-MNHP ngày 02 tháng 05 năm 2024 của trường
Mầm non Hoa Phượng)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có phát triển chương trình giáo dục mầm non với nội dung tiếp cận công nghệ số.				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành nội quy của phòng tin học, quy chế sử dụng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học.				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm, bộ đồ dùng, đồ chơi cho trẻ tiếp cận công nghệ số. - Có triển khai phần mềm Kidsmart. - Có triển khai hoạt động với bộ thiết bị dùng chung.	30	Tối đa 30 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Kế hoạch, sổ nhật ký tổ chức hoạt động tại phòng tin học
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	15	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 5 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Đường link và số lượng học liệu
1.5.	Có tổ chức triển khai đánh giá trẻ trên phòng tin học; có phần mềm kidsmart và các phần	10	Tối đa 10 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm	Quy chế /Kế hoạch

	mềm trong bộ thiết bị dùng chung, máy tính kết nối mạng LAN			Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	/văn bản triển khai
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	30	< 30%: <i>tối đa 4 điểm;</i> 30%-60%: <i>tối đa 7 điểm;</i> > 60%: <i>tối đa 10 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		< 30%: <i>tối đa 4 điểm;</i> 30%-60%: <i>tối đa 7 điểm;</i> > 60%: <i>tối đa 10 điểm</i>		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: <i>tối đa 4 điểm;</i> 30%-60%: <i>tối đa 7 điểm;</i> > 60%: <i>tối đa 10 điểm</i>		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phục trợ sử dụng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ và kết nối Internet trên tổng số phòng học	15	< 20%: <i>tối đa 5 điểm;</i> 20%-60%: <i>tối đa 10 điểm;</i> > 60%: <i>tối đa 13 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		<i>Tối đa 2 điểm</i>		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			

2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường - Có triển khai phân hệ quản lý trẻ (quản lý hồ sơ, kết quả đánh giá trẻ) - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe cho trẻ - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	70	Tối đa 6 điểm Tối đa 6 điểm Tối đa 6 điểm Tối đa 10 điểm Tối đa 10 điểm Tối đa 6 điểm Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3 : trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh trẻ 5 tuổi trực tuyến.	<i>Tối đa 12 điểm</i>		
- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	<i>Tối đa 10 điểm</i>		